

**BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM**  
**BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH**  
**KHÁNH HÒA**

Số: 790/BHXH-KHTC

V/v trích, chuyển kinh phí CSSKBĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 10 năm 2016

Kính gửi:

- Các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, THCS, tiểu học;
- Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- BHXH các huyện, thị xã, thành phố;
- Các phòng nghiệp vụ thuộc BHXH tỉnh.

Để thực hiện tốt quy định về việc trích, chuyển kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu (CSSKBĐ), Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Khánh Hòa đề nghị các cơ sở giáo dục, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (gọi chung là đơn vị) có đủ điều kiện nhận kinh phí CSSKBĐ, BHXH các huyện, thị xã, thành phố và các phòng liên quan thuộc BHXH tỉnh nghiêm cứu thực hiện đúng các nội dung tại Công văn số 3524/BHXH-TCKT ngày 14/9/2016 của BHXH Việt Nam về việc trích chuyển kinh phí CSSKBĐ. Trong đó lưu ý một số nội dung sau:


- Định kỳ, trước ngày 31/10 hàng năm các đơn vị gửi bản đề nghị trích chuyển kinh phí CSSKBĐ theo mẫu số 01/BHYT ban hành theo Quyết định số 1399/QĐ-BHXH ngày 22/12/2014 của BHXH Việt Nam quy định về tổ chức thực hiện BHYT trong KCB để làm căn cứ cho cơ quan BHXH thực hiện trích, chuyển kinh phí CSSKBĐ của đơn vị trong năm sau (từ 01/01 đến 31/12 năm sau).

- Đối với các trường học ký hợp đồng với cơ sở KCB theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế-Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công tác y tế trường học thì đơn vị lập mẫu số 01/TCKT ban hành theo Công văn 3524/BHXH-TCKT ngày 14/9/2016 của BHXH Việt Nam. Tại hợp đồng của trường với Trạm y tế xã, cơ sở khám chữa bệnh (KCB) phải có cam kết về việc bố trí nhân lực có mặt thường xuyên tại trường học để thực hiện các hoạt động quản lý, bảo vệ và CSSK cho học sinh theo quy định tại Điều 9 Thông tư Liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT, không thực hiện CSSKBĐ tại Trạm y tế xã hoặc cơ sở KCB. BHXH thực hiện trích chuyển kinh phí cho trường học, không thực hiện trích chuyển kinh phí cho trạm y tế hoặc cơ sở KCB.


- Đến thời điểm các trường đã đủ điều kiện và đã tham gia BHYT học sinh năm học 2016-2017, đề nghị thông báo ngay địa chỉ email của trường để cơ quan BHXH thực hiện gửi hợp đồng CSSKBĐ (trường ký, đóng dấu gửi lại BHXH) và thanh lý hợp đồng (trước ngày 31/12/2016).

- Trước ngày 31/01 năm sau các đơn vị lập mẫu số 03/TCKT báo cáo nội dung sử dụng kinh phí CSSKBĐ ban hành kèm Công văn 3524/BHXH-TCKT ngày 14/9/2016 của BHXH Việt Nam để tổng hợp báo cáo BHXH Việt Nam.

- Đối với các trường có số kinh phí CSSKBD từ năm 2014 trở về trước đến nay chưa quyết toán hoặc đã quyết toán nhưng vẫn còn số dư (có danh sách kèm theo) thì tiếp tục thực hiện chi theo đúng nội dung quy định, đồng thời tổng hợp báo cáo quyết toán với cơ quan BHXH trước ngày 31/12/2016. Trường hợp vẫn còn số dư kinh phí, yêu cầu nhà trường có văn bản nêu rõ lý do, những khó khăn vướng mắc trong việc thanh quyết toán, đề xuất kiến nghị (nếu có) gửi về cơ quan BHXH nơi cấp kinh phí.

Đề nghị các đơn vị quan tâm triển khai thực hiện (gửi kèm Công văn số 3524/BHXH-TCKT ngày 14/9/2016 của BHXH Việt Nam)./. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Giáo dục và ĐT;
- Sở Y tế;
- Giám đốc; các Phó Giám đốc;
- Đăng website BHXH tỉnh;
- Lưu: VT, KHTC (02 bản). 

**GIÁM ĐỐC**



**Đương Văn Hào**

**BẢN KÊ KINH PHÍ CSSKBD TỪ NĂM 2014 TRỞ VỀ TRƯỚC CÁC TRƯỜNG  
CHƯA QUYẾT TOÁN**

(Tính đến thời điểm 26/9/2016)

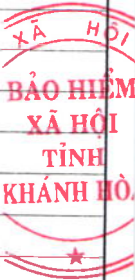
(Gửi kèm công văn số: 790 ngày 03 tháng 09 năm 2016 của BHXH tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên trường	Số tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp tham gia BHYT học sinh tại VP tỉnh</b>	<b>569.495.630</b>	
1	1 Trường Dự bị đại học dân tộc trung ương nha trang	284	
2	2 Trường Đại Học Nha Trang	22.725.225	
3	3 Trường Cao Đẳng Nghề Nha Trang	24.464.526	
4	4 Trường Trung Cấp Kinh Tế Khánh Hòa	19.298.113	
5	5 Trường CĐ sư phạm Nha Trang	175.416.192	
6	6 Trường Sĩ Quan Thông Tin	402.464	
7	7 Trường Cao Đẳng Y Tế Khánh Hòa	13.876.647	
8	8 Trường Cao đẳng sư phạm trung ương nha trang - HS	35.502.243	
9	9 Trường Cao Đẳng Văn Hoá Nghệ Thuật và Du Lịch NT	266.571.464	
10	10 Trường Cao Đẳng Nghề Quốc Tế Nam Việt	4.106.325	
11	11 Trường Trung cấp KT kỹ thuật Trần đại Nghĩa	7.132.147	Giải thể năm 2014
<b>II</b>	<b>Các trường đại học, trung cấp Nghề, THPT, THCS, tiểu học tham gia BHYT học sinh tại các huyện, thị xã, thành phố</b>	<b>7.935.284.548</b>	
	<b>Thành phố Nha Trang</b>	<b>3.864.368.487</b>	
12	1 Trường tiểu học Lộc Thọ	39.769.166	
13	2 Trường tiểu học Ngọc Hiệp	125.582.173	
14	3 Trường tiểu học Phương Sài	165.876.239	
15	4 Trường tiểu học Phương Sơn	22.253.731	
16	5 Trường tiểu học Vạn Thạnh	137.738.200	
17	6 Trường tiểu học Vạn Thắng	132.387.469	
18	7 Trường tiểu học Tân Lập 1	21.953.524	
19	8 Trường tiểu học Xương Huân 1	28.199.706	
20	9 Trường tiểu học Xương Huân 2	58.878.849	
21	10 Trường tiểu học Phước Hòa 1	35.461.181	
22	11 Trường tiểu học Phước Hải 3	23.015.580	
23	12 Trường tiểu học Phước Tân 2	90.626.980	
24	13 Trường tiểu học Phước Tiến	185.619.341	
25	14 Trường tiểu học Phước Long 1	3.039.448	
26	15 Trường tiểu học Phước Long 2	143.312.393	
27	16 Trường tiểu học Phước Đồng	154.466.255	
28	17 Trường tiểu học Phước Thịnh	81.302.065	
29	18 Trường tiểu học Vĩnh Lương 1	409.860	
30	19 Trường tiểu học Vĩnh Lương 2	11.553.550	
31	20 Trường tiểu học Vĩnh Hòa 2	49.767.048	
32	21 Trường tiểu học Vĩnh Hải 1	1.645.839	
33	22 Trường tiểu học Vĩnh Thọ	32.182.188	
34	23 Trường tiểu học Vĩnh Trường	18.582.128	
35	24 Trường tiểu học Vĩnh Nguyên 3	44.243.302	

36	25	Trường tiểu học Vĩnh Phương 1	41.893.130
37	26	Trường tiểu học Vĩnh Phương 2	32.528.956
38	27	Trường tiểu học Vĩnh Thái	25.236.774
39	28	Trường tiểu học Vĩnh Thanh	453.683
40	29	Trường tiểu học Vĩnh Trung	8.143.118
41	30	Trường tiểu học Vĩnh Ngọc	104.151.809
42	31	Trường THCS Âu Cơ	58.582.745
43	32	Trường THCS Bạch Đằng	2.078.488
44	33	Trường THCS Cao Thắng	24.251.554
45	34	Trường THCS Lam Sơn	8.896.408
46	35	Trường THCS Trung Vương	244.389.960
47	36	Trường THCS Thái Nguyên	15.253.850
48	37	Trường THCS Nguyễn Hiền	52.329.164
49	38	Trường THCS Nguyễn Khuyến	144.741.881
50	39	Trường THCS Nguyễn Công Trứ	26.533.009
51	40	Trường THCS Nguyễn Việt Xuân	15.716.139
52	41	Trường THCS Bùi Thị Xuân	19.770.034
53	42	Trường THCS Lê Thanh Liêm	55.187.341
54	43	Trường THCS Lương Thế Vinh	32.323.889
55	44	Trường THCS Lý Thái Tổ	34.434.202
56	45	Trường THCS Lý Thường Kiệt	8.810.275
57	46	Trường THCS Mai Xuân Thưởng	17.372.477
58	47	Trường THCS Trần Nhật Duật	48.949.294
59	48	Trường THCS Trần Hưng Đạo	79.297.510
60	49	Trường THCS Trần Quốc Toản	33.801.525
61	50	Trường THCS Phan Sào Nam	78.299.363
62	51	Trường THCS Võ Thị Sáu	52.255.564
63	52	Trường THPT Lê Quý Đôn	13.170.816
64	53	Trường THPT Lý Tự Trọng	304.652.794
65	54	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	327.797.669
66	55	Trường THPT Hà Huy Tập	14.323.125
67	56	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	80.295.395
68	57	Trường THPT iSchool Nha Trang	2.088.055
69	58	Trường THPT DL Nguyễn Thiện Thuật	114.196.489
70	59	Trường THPT DL Lê Thánh Tôn	61.486.387
71	60	Trung tâm giáo dục thường xuyên	25.139.225
72	61	Trường Quốc tế châu á Thái Bình Dương	3.982.867
73	62	Trường THCS Lương Định Của	34.537.444
74	63	Trường THPT Đại Việt	3.509.892
75	64	Trung tâm phục hồi chức năng - Giáo dục trẻ em khuyết tật KH	4.615.322
76	65	Trường Liên cấp quốc tế VN Singapore	1.024.650
		<b>Huyện Cam Lâm</b>	<b>1.046.696.460</b>
77	1	Trường Tiểu Học Cam Đức 1	107.487.460
78	2	Trường Tiểu Học Suối Tân	50.269.985
79	3	Trường Tiểu Học Suối Cát	37.472.507
80	4	Trường Tiểu Học Cam An Bắc	9.155.918
81	5	Trường Tiểu Học Cam Phước Tây 1	12.708.330
82	6	Trường Tiểu Học Cam Hiệp Bắc	2.496.198
83	7	Trường Tiểu Học Cam Hải Đông	2.524.980

84	8	Trường Tiểu Học Cam Thành Bắc	21.308.604
85	9	Trường Tiểu Học Cam Đức 2	28.824.478
86	10	Trường Tiểu Học Cam Hoà 1	49.539.907
87	11	Trường Tiểu Học Cam Hoà 2	14.905.738
88	12	Trường Tiểu Học Cam Tân	49.309.471
89	13	Trường Tiểu Học Cam An Nam	8.250.295
90	14	Trường Tiểu Học Cam Hiệp Nam	25.654.533
91	15	Trường Tiểu Học Tân Sinh	6.295.990
92	16	Trường Tiểu Học Cam Phước Tây 2	10.759.034
93	17	Trường THCS Nguyễn Hiền	17.861.910
94	18	Trường THCS Phan Đình Phùng	13.518.898
95	19	Trường THCS A. Yersin	39.690.887
96	20	Trường THCS Trần Quang Khải	30.844.353
97	21	Trường THCS Quang Trung	65.187.778
98	22	Trường THCS Hùng Vương	1.100.000
99	23	Trường THCS Lương Thế Vinh	44.649.786
100	24	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	9.550.907
101	25	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	9.234.663
102	26	Trường THCS Nguyễn Công Trứ	26.980.736
103	27	Trường THCS Nguyễn Trãi	15.667.203
104	28	Trường THPT Trần Bình Trọng	175.234.649
105	29	Trung tâm GDTX và Hướng nghiệp Cam Lâm	6.351.304
106	30	Trường THPT Đoàn Thị Điểm	66.107.644
107	31	Trường THPT Nguyễn Huệ	80.171.330
108	32	Trường tiểu học Khánh Hòa JeJu	7.580.984
		<b>Huyện Khánh Sơn</b>	<b>618.516</b>
109	1	Trường TH&THCS Thành Sơn	134.136
110	2	Trung tâm GD TX	484.380
		<b>Huyện Khánh Vĩnh</b>	<b>99.081.799</b>
111	1	Trường TH Cầu Bà	586.904
112	2	Trường TH Liên Sang	9.083.234
113	3	Trường TH Khánh Phú	1.080.603
114	4	Trường THCS Lê Văn Tám	11.137.398
115	5	Trường TH Khánh Hiệp	3.156.288
116	6	Trường TH Giang Ly	2.069.769
117	7	Trường TH Khánh Thượng	7.897.804
118	8	Trường TH Khánh Thành	2.021.239
119	9	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	29.540.053
120	10	Trường THCS Thị trấn K.Vĩnh	3.107.850
121	11	Trường THPT Lạc Long Quân	18.995.740
122	12	Trường TH Sông Cầu	1.494
123	13	Trường PTDT nội trú	27
124	14	Trường TH Sơn Thái	2.869.424
125	15	Trường THCS Chu Văn An	5.041.278
126	16	Trường TH Khánh Hiệp 1	983.664
127	17	Trường THCS Cao Văn Bé	1.509.030
		<b>Thành phố Cam Ranh</b>	<b>981.022.130</b>
128	1	Trường Trung cấp nghề	15.144.299
129	2	Trường THCS Lê Hồng Phong	153.565.760
130	3	Trường THCS Nguyễn Trọng Kỳ	143.608.988



131	4	Trường THCS Trần Phú	50.694.077
132	5	Trường THXS Nguyễn Du	39.483.461
133	6	Trường THCS Nguyễn Khuyến	21.731.856
134	7	Trường THCS Chu Văn An	10.503.095
135	8	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	24.537.263
136	9	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	14.558.939
137	10	Trường THCS Phan Chu Trinh	50.949.141
138	11	Trường THCS Nguyễn Trung Trực	10.929.597
139	12	Trường THPT Phan Bội Châu	22.045.536
140	13	Trường THPT Ngô Gia Tự	2.475.330
141	14	Trường THPT Trần Hưng Đạo	43.967.757
142	15	Trường THCS Cam Thịnh Tây	116.564
143	16	Trường PTDT Nội trú	7.125.122
144	17	Trường TH Cam Lợi	6.245.474
145	18	Trường TH Cam Lộc 1	77.920.192
146	19	Trường TH Cam Lộc 2	12.541.764
147	20	Trường TH Cam Linh 1	27.638.834
148	21	Trường TH Cam Linh 2	53.507.887
149	22	Trường TH Ba Ngòi	45.665.784
150	23	Trường Th Cam Phúc Nam	12.135.558
151	24	Trường Th Cam Phúc Bắc 1	434.490
152	25	Trường Th Cam Phúc Bắc 2	13.902.090
153	26	Trường TH Cam Nghĩa 1	7.218.538
154	27	Trường TH Cam Nghĩa 2	12.263.267
155	28	Trường Th Cam Thành Nam	8.788.888
156	29	Trường TH Cam Phước Đông 1	26.955.361
157	30	Trường TH Cam Thịnh 1	5.791.979
158	31	Trường TH Cam Thịnh Đông	11.029.032
159	32	Trường TH Cam Bình	15.771.465
160	33	Trường TH Cam Thuận	6.169.136
161	34	Trường TH & THCS Cam Lập	3.149.207
162	35	Trường TH & THCS Bình Hưng	18.790.542
163	36	Trường THPT Thăng Long	2.280.312
164	37	Trường TH Cam Thịnh Tây 1	1.385.545
		<b>Huyện Ninh Hòa</b>	<b>1.400.221.192</b>
165	1	Trường Tiểu học Ninh An	117.829
166	2	Trường Tiểu học Ninh Diêm	39.475.836
167	3	Trường Tiểu học Ninh Đa	5.828.919
168	4	Trường Tiểu học Ninh Đông	2.671.887
169	5	Trường Tiểu học Ninh Hà	423.779
170	6	Trường Tiểu học Ninh Hải	21.802.474
171	7	Trường Tiểu học Ninh Hưng	4.689.297
172	8	Trường Tiểu học Ninh Ích	3.348.424
173	9	Trường Tiểu học Ninh Lộc	583.324
174	10	Trường Tiểu học Ninh Phú	125.688
175	11	Trường Tiểu học Ninh Phụng	6.822.816
176	12	Trường Tiểu học Số 2 Ninh Phụng	13.675.782
177	13	Trường Tiểu học Ninh Phước	46.553.626
178	14	Trường Tiểu học Ninh Quang	40.126.298
179	15	Trường Tiểu học Ninh So 2 Ninh Quang	23.135.703

180	16	Trường Tiểu học Ninh Tân	54.955
181	17	Trường Tiểu học Ninh & THCS Ninh Tây	16.526.443
182	18	Trường Tiểu học Ninh Thân	7.199.300
183	19	Trường Tiểu học Ninh Thọ	1.662.812
184	20	Trường Tiểu học Ninh Thủy	563.804
185	21	Trường Tiểu học Ninh Thượng	4.985.906
186	22	Trường Tiểu học Ninh Trung	637.998
187	23	Trường Tiểu học Ninh Vân	8.538.970
188	24	Trường Tiểu học Số 1 Ninh Xuân	2.986.139
189	25	Trường Tiểu học Ninh Số 2 Ninh Xuân	30.845.746
190	26	Trường Tiểu học Số 1 Ninh Hiệp	28.280.262
191	27	Trường Tiểu học Số 2 Ninh Hiệp	65.833.771
192	28	Trường Tiểu học Số 3 Ninh Hiệp	36.819.518
193	29	Trường Tiểu học Ninh Giang	11.060.740
194	30	Trường Tiểu học Ninh Sim	91.161.322
195	31	Trường Tiểu học Ninh Sơn	51.033.441
196	32	Trường THCS Phạm Ngũ Lão	23.869.409
197	33	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	36.786.325
198	34	Trường THCS Trần Quốc Toản	8.660.147
199	35	Trường THCS Chu Văn An	46.907.813
200	36	Trường THCS Đào Duy Từ	19.226.951
201	37	Trường THCS Trịnh Phong	604.775
202	38	Trường THCS Ngô Gia Tự	5.508.892
203	39	Trường THCS Lê Thánh Tông	11.813.900
204	40	Trường THCS Trương Định	13.567.175
205	41	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	237.991
206	42	Trường THCS Hàm Nghi	8.932.084
207	43	Trường THCS Quang Trung	32.693.206
208	44	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	1.084.236
209	45	Trường THCS Nguyễn Thị Định	9.037.469
210	46	Trường THCS Phạm Hồng Thái	14.272.170
211	47	Trường THCS Nguyễn Tri Phương	54.527.234
212	48	Trường THCS Lê Hồng Phong	544.000
213	49	Trường THCS Nguyễn Phan Vinh	3.649.918
214	50	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng	5.083.550
215	51	Trường THCS Hùng Vương	8.940.072
216	52	Trường THCS Trần Quý Cáp	82.604.218
217	53	Trường THPT Tôn Đức Thắng	30.737.249
218	54	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	74.040.229
219	55	Trường THPT Nguyễn Trãi	149.007.706
220	56	Trường THPT Trần Cao Vân	105.380
221	57	Trung tâm giáo dục thường xuyên	17.708.962
222	58	Trường Trung cấp Nghề	97.233.670
223	59	Trường THPT Trần Phú	12.779.364
224	60	Trường THPT Lý Thường Kiệt	48.170.052
225	61	Trường tiểu học số 2 Ninh Đa	8.118.320
226	62	Trường ĐH mở CN Ninh Hòa	6.195.916
		<b>Huyện Vạn Ninh</b>	<b>543.275.964</b>
227	1	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	36.420.404
228	2	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	49.337.146



WT

229	3	Trường THPT Tô Văn Ôn	59.478.138	Không nộp báo cáo QT từ năm 2011
230	4	Trường Tiểu Học Xuân Sơn	28.112.670	
231	5	Trường Tiểu Học Vạn Hưng 2	1.962.692	
232	6	Trường Tiểu Học Vạn Lương 1	15.506.684	
233	7	Trường Tiểu Học Vạn Lương 2	28.809.266	
234	8	Trường THCS Đổng Đa	17.672.018	
235	9	Trường THCS Văn Lang	40.885.154	
236	10	Trường Tiểu Học Vạn Giã 1	8.150.025	
237	11	Trường THCS Mê Linh	12.941.942	
238	12	Trường Tiểu Học Vạn Thắng 1	33.224	
239	13	Trường Tiểu Học Vạn Thắng 2	6.507.554	
240	14	Trường Tiểu Học Vạn Thắng 3	5.748.253	
241	15	Trường Tiểu Học Vạn Bình	34.592.337	
242	16	Trường THCS Trần Phú	18.247.584	
243	17	Trường Tiểu Học Vạn Khánh 1	3.530.000	
244	18	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	10.185.782	
245	19	Trường Tiểu Học Vạn Phước 2	1.334.882	
246	20	Trường THCS Lương Thế Vinh	22.642.178	
247	21	Trường THCS Chi Lăng	6.454.414	
248	22	Trường Tiểu Học Đại Lãnh 1	991.901	
249	23	Trường PT Cấp 1,2 Vạn Thạnh	215.304	
250	24	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	10.160.251	
251	25	Trường THCS Lý Thường Kiệt	43.211.504	
252	26	Trường Tiểu Học Vạn Khánh 2	9.970.776	
253	27	Trường Tiểu Học Vạn Thạnh 2	726.084	
254	28	Trường Tiểu Học Vạn Thọ 2	8.301.772	
255	29	Trường THPT Lê Hồng Phong	23.152.367	
256	30	Trường THCS Nguyễn Huệ	14.514.144	
257	31	Trường THCS Nguyễn Trung Trực	23.479.514	
		<b>Tổng cộng:</b>	<b>8.504.780.178</b>	

**Bảng chữ: Tám tỷ năm trăm lẻ bốn triệu bảy trăm tám mươi ngàn một trăm bảy mươi tám đồng**



+ bii bsc cv.

**BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3524/BHXH-TCKT  
V/v trích, chuyển kinh phí CSSKBD

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2016

**HXXH TỈNH KHÁNH HÒA**

**HIỆN** Số: 3220  
Ngày: 11/9  
huyện: Khánh Sơn, Khánh Hòa

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 04/4/2016, Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam đã ban hành Công văn số 1231/BHXH-TCKT hướng dẫn BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là BHXH tỉnh) thực hiện trích chuyển kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu (CSSKBD). Trong quá trình thực hiện vẫn còn một số vướng mắc về thời điểm trích, chuyển và quyết toán kinh phí CSSKBD. Ngày 12/5/2016 liên Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT trong đó có quy định các trường học ký hợp đồng với Trạm Y tế xã, phường, thị trấn hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ hình thức phòng khám đa khoa trở lên để chăm sóc sức khỏe học sinh. Để kịp thời hướng dẫn BHXH tỉnh thực hiện thống nhất, BHXH Việt Nam hướng dẫn BHXH tỉnh thực hiện như sau:

1. Điều kiện được trích kinh phí CSSKBD

a) Cơ quan BHXH thực hiện chuyển kinh phí CSSKBD cho các cơ sở giáo dục, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (gọi chung là đơn vị) có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế (BHYT).

b) Trường hợp các cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học và trường chuyên biệt (gọi chung là trường học) không đủ điều kiện về nhân lực CSSKBD thì phải có hợp đồng với Trạm Y tế xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Trạm Y tế xã) hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (KCB) từ hình thức phòng khám đa khoa trở lên để CSSKBD cho học sinh theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT.

Tại hợp đồng của trường học với Trạm Y tế xã, cơ sở KCB phải có cam kết về việc bố trí nhân lực có mặt thường xuyên tại trường học để thực hiện các hoạt động quản lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho học sinh theo quy định tại

Điều 9 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT, không thực hiện CSSKBĐ tại Trạm Y tế xã hoặc cơ sở KCB.

Cơ quan BHXH thực hiện trích chuyển kinh phí CSSKBĐ cho trường học không chuyển kinh phí CSSKBĐ cho Trạm Y tế xã hoặc cơ sở KCB.

## 2. Thời điểm xác định kinh phí CSSKBĐ được trích

a) Định kỳ, trước ngày 31/10 hằng năm các đơn vị gửi Bản đề nghị trích chuyển kinh phí CSSKBĐ mẫu số 01/BHYT ban hành kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-BHXH ngày 22/12/2014 của BHXH Việt Nam quy định về tổ chức thực hiện bảo hiểm y tế trong KCB để làm căn cứ cho cơ quan BHXH thực hiện trích, chuyển kinh phí CSSKBĐ của đơn vị.

Đối với các trường học ký kết hợp đồng với Trạm Y tế xã, cơ sở KCB theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT thì đơn vị lập mẫu số 01/TCKT ban hành kèm theo Công văn này.

b) Thời điểm xác định trích chuyển kinh phí CSSKBĐ cho các đơn vị được tính từ thời điểm đơn vị đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC (yêu cầu đơn vị ghi rõ ngày bắt đầu đủ điều kiện tại mẫu 01/BHYT) hoặc từ ngày ký hợp đồng với Trạm Y tế xã hoặc cơ sở KCB.

c) Phòng Thu (Tổ thu) có trách nhiệm đôn đốc các đơn vị gửi mẫu số 01/BHYT, 01/TCKT kịp thời và đúng thời gian quy định.

d) Trường hợp các đơn vị nộp mẫu 01/BHYT, 01/TCKT chậm so với thời gian quy định, Phòng Giám định BHYT (Tổ Kế toán – Chi trả và Giám định BHYT) có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nêu rõ nguyên nhân đơn vị chậm nộp và thực hiện trích chuyển kinh phí CSSKBĐ cho các đơn vị có đủ điều kiện theo quy định. Đồng thời, yêu cầu các đơn vị thực hiện đúng quy định để đảm bảo việc quyết toán kinh phí CSSKBĐ theo đúng niên độ của năm tài chính.

## 3. Xác định kinh phí CSSKBĐ

a) Đối với cơ sở giáo dục quốc dân: Vào đầu năm học hoặc khóa học cơ quan BHXH căn cứ vào mẫu số 01/BHYT hoặc mẫu số 01/TCKT của trường học và số thu BHYT tại mẫu số 02a/TCKT ban hành kèm theo Công văn này để xác định kinh phí CSSKBĐ.

b) Đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: Hàng tháng, cơ quan BHXH căn cứ vào mẫu số 01/BHYT của đơn vị và số thu BHYT tại mẫu số 02b/TCKT ban hành kèm theo Công văn này để xác định kinh phí CSSKBĐ.

c) Phòng Thu (Tổ thu): Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Quyết định số 1399/QĐ-BHXH và xác nhận số tiền đóng BHYT tại mẫu số 02a/TCKT và mẫu số 02b/TCKT chuyển Phòng Kế hoạch – Tài chính (Tổ Kế toán – Chi trả và Giám định BHYT) để xác định kinh phí CSSKBĐ trích chuyển cho đơn vị.

#### 4. Chuyển kinh phí, hạch toán kế toán và quyết toán kinh phí CSSKBĐ

a) Đối với cơ sở giáo dục quốc dân: Vào đầu năm học hoặc năm tài chính căn cứ vào Hợp đồng (mẫu số C84a-HD) ban hành kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-BHXH và số thu tại mẫu số 02a/TCKT, cơ quan BHXH chuyển kinh phí CSSKBĐ cho nhà trường và hạch toán kế toán theo quy định. Vào cuối năm học hoặc năm tài chính, căn cứ tình hình đóng BHYT của học sinh, sinh viên, cơ quan BHXH xác định chính xác kinh phí CSSKBĐ được trích để thực hiện thanh lý hợp đồng CSSKBĐ với nhà trường (theo mẫu số C84b-HD) ban hành kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-BHXH và chuyển đủ kinh phí cho nhà trường.

b) Đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: Hàng tháng, cơ quan BHXH căn cứ mẫu số 02b/TCKT trích chuyển kinh phí CSSKBĐ cho đơn vị và hạch toán kế toán theo quy định. Cuối năm, căn cứ số thu BHYT trong năm tài chính được quyết toán để xác định chính xác kinh phí CSSKBĐ được trích cho các đơn vị và chuyển đủ kinh phí cho đơn vị.

c) Trường hợp đến ngày 31/12 cơ quan BHXH chưa chuyển đủ số kinh phí CSSKBĐ được trích của các đơn vị thì khẩn trương chuyển kinh phí cho đơn vị xong trước ngày 31/1 năm sau và tổng hợp kinh phí CSSKBĐ vào quyết toán chi phí khám chữa bệnh BHYT trong năm của tỉnh.

d) BHXH tỉnh hướng dẫn các đơn vị lập báo cáo tình hình sử dụng kinh phí CSSKBĐ theo mẫu số 03/TCKT ban hành kèm theo Công văn này và tổng hợp báo cáo BHXH Việt Nam trước ngày 31/01 năm sau.

5. Đối với các Tập đoàn, Tổng Công ty có nhiều đơn vị sử dụng lao động, các đơn vị sử dụng lao động hạch toán độc lập, có trụ sở riêng, đóng BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp theo mã riêng tại các quận, huyện khác nhau trên địa bàn tỉnh hoặc tại nhiều tỉnh khác nhau thì cơ quan BHXH thực hiện trích, chuyển kinh phí CSSKBĐ cho từng đơn vị có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC.

6. Riêng kinh phí CSSKBĐ năm 2015: Đối với các đơn vị có đủ điều kiện nhưng chưa được trích chuyển kinh phí CSSKBĐ, Phòng Giám định BHYT phối hợp Phòng Kế hoạch - Tài chính (Tổ Kế toán – Chi trả và Giám định BHYT) kiểm tra hồ sơ, trích, chuyển kinh phí CSSKBĐ cho các đơn vị theo quy

định và tổng hợp vào quyết toán chi khám chữa bệnh BHYT năm 2016. Từ năm 2016, BHXH tỉnh đôn đốc các đơn vị thực hiện đúng quy định và trích, chuyển, quyết toán theo đúng niên độ của năm tài chính.

7. Đối với số kinh phí CSSKBD từ năm 2014 trở về trước mà BHXH tỉnh chưa quyết toán dứt điểm với các trường học (còn theo dõi trên Tài khoản 010), yêu cầu BHXH tỉnh tổng hợp, báo cáo BHXH Việt Nam nêu rõ lý do chưa quyết toán và đề xuất hướng xử lý đối với từng trường học.

Công văn này thay thế Công văn số 1231/BHXH-TCKT ngày 4/4/2016 của BHXH Việt Nam về việc trích chuyển kinh phí CSSKBD. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về BHXH Việt Nam để nghiên cứu, giải quyết. *ra*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Ban CSYT, Thu;
- Lưu: VT, TCKT (03). *ra*

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Đình Khương**

.....(1).....  
Mã số đơn vị: ...(2).....

**BẢN ĐỀ NGHỊ TRÍCH CHUYỂN  
KINH PHÍ CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU**

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội tỉnh/huyện...(3)....

Căn cứ quy định tại Điều 18 Thông tư liên tịch số 41/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế, ...(1).. đủ điều kiện để sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động/học sinh, sinh viên/trẻ em dưới 6 tuổi tại đơn vị, cụ thể như sau:

**1. Về nhân lực y tế: có ..... cán bộ gồm**

1.1 Ông /bà: .....

- Trình độ đào tạo: .....

- Quyết định tuyển dụng/Hợp đồng làm việc/Hợp đồng lao động số ..... từ ngày .../.../20... đến ngày ...../...../20...

1.2 Ông /bà: .....

**2. Về cơ sở vật chất:**

.....  
.....  
Chúng tôi cam kết đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để sử dụng kinh phí chi chăm sóc sức khỏe ban đầu tại đơn vị và thông báo cho cơ quan BHXH ngay khi có thay đổi. /.

....., ngày .... tháng .... năm 20...

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Cơ quan đơn vị:.....

Mẫu số 03/TCKT

(Ban hành kèm theo Công văn số 352/ /BHXH-TCKT  
ngày 14/... /2016 của BHXH Việt Nam)

## BÁO CÁO NỘI DUNG SỬ DỤNG KINH PHÍ CSSKBĐ

Năm.....

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	Tổng kinh phí CSSKBĐ được trích	
II	Kinh phí CSSKBĐ đã sử dụng	
1	Chi mua thuốc, vật tư y tế phục vụ sơ cấp cứu	
2	Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị y tế thông thường	
3	Chi mua văn phòng phẩm, tủ tài liệu phục vụ việc quản lý hồ sơ sức khỏe	
4	Chi mua sách, tài liệu, dụng cụ phục vụ tuyên truyền, giảng dạy, giáo dục ngoại khóa về chăm sóc, tư vấn chăm sóc sức khỏe ...	
5	Chi khác để thực hiện công tác CSSKBĐ	

Ngày... tháng ... năm ....

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

**Mẫu số 01/TCKT**  
(Ban hành kèm theo Công văn số 3524/BHXH-TCKT  
ngày 14 / 9 /2016 của BHXH Việt Nam)

...(1).....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Mã số đơn vị: .....

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN ĐỀ NGHỊ TRÍCH CHUYỂN  
KINH PHÍ CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU**

*(Đối với các trường học không đủ điều kiện nhân lực)*

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội tỉnh/huyện.....

Thực hiện quy định tại Điều 18 Thông tư liên tịch số 41/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế, Điểm a Khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016, liên Bộ Y tế - Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác y tế trường học, ...(1).. đủ điều kiện để sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động/học sinh, sinh viên/trẻ em dưới 6 tuổi tại đơn vị, cụ thể như sau:

**1. Về nhân lực**

- Ký hợp đồng với (2) :.....

- Hợp đồng số:.....có hiệu lực từ ngày.../.../ .... Đến ngày.../.../...

**2. Về cơ sở vật chất:**

.....  
.....

Chúng tôi cam kết đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật kể từ ngày (3) .....để sử dụng kinh phí chi chăm sóc sức khỏe ban đầu tại đơn vị và thông báo cho cơ quan BHXH ngay khi có thay đổi. /.

1) Tên cơ sở giáo dục

....., ngày .... tháng .... năm 20...

2) Trạm y tế xã, phường, thị trấn hoặc cơ sở KCB từ hình thức PKĐK trở lên

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

3) Thời điểm bắt đầu đủ điều kiện nhận kinh phí CSSKBD